

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 30/3/2023

V/v: “Tranh chấp ly hôn và
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoài Đức Huệ

Bà Lê Thị Kim Xuyên

Thư ký phiên tòa: Bà Quân Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện NT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT tham gia phiên tòa: Bà Đặng Văn Hoàng Yến - Kiểm sát viên

Ngày 30/3/2023 tại Toà án nhân dân huyện NT xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 605/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 208/2023/QĐST – HNGĐ ngày 08/03/2023 của Tòa án nhân dân huyện NT giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1995

Thường trú: Thôn N, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tân G, sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L và anh G vắng mặt)

Nội dung vụ án

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/7/2022 và tại hồ sơ vụ án chị Nguyễn Thị L trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tân G chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đắk Mol, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông ngày 01/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Vợ chồng không còn chăm sóc lẫn nhau, không còn tình cảm nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết

cho chị được ly hôn với anh G.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/7/2019. Chị L có nguyện vọng giao con chung cho anh G nuôi dưỡng, tạm thời chị L không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có.

Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn từ rất lâu mà không gần gũi được nên nay chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà sớm đưa vụ án ra xét xử. Do bận công việc đề nghị Tòa án cho chị vắng mặt tại mọi buổi làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

*** Bị đơn anh Nguyễn Tân G đã được Tòa án tổng đạt niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt nên không có lời khai tại hồ sơ.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện NT phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

Về trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự và quan hệ tranh chấp đúng quy định pháp luật, tuy nhiên đã vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử nên cần khắc phục.

Anh G đã được Tòa án niêm yết triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử xử vắng mặt anh G theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh G. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/7/2019 cho anh G nuôi dưỡng, tạm thời chị L không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự trong vụ án Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt, riêng anh Nguyễn Tân G đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ các điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo quy định.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị L xin ly hôn với anh Nguyễn Tân G. Theo biên bản xác minh ngày 08/11/2022 anh G có nơi cư trú là ấp V, xã T, huyện NT, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện NT có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”. Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L và bị đơn là anh Nguyễn Tân G.

[3]. Về nội dung:

- Xét quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh G là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện NT, tỉnh Đồng Nai nên được xem là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị L xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống nên sau khi sinh con chị đã về quê để sinh sống. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay không bàn bạc đoàn tụ. Vợ chồng không còn tình cảm, thời gian ly thân kéo dài nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh G. Mặt khác Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh G và chị L đến đề hòa giải đoàn tụ nhưng anh G đều vắng mặt không lý do điều đó cho thấy anh G không có thiện chí muốn hòa giải đoàn tụ với chị L. Vì vậy, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận nên cần xét xử cho chị L được ly hôn anh G là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về con chung: Căn cứ vào tài liệu Tòa án thu thập được có tại hồ sơ và lời khai của đương sự xác định anh G và chị L có 01 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/7/2019. Cháu P hiện còn nhỏ và đã ở với anh G từ khi anh chị ly thân. Tại hồ sơ vụ án chị L cũng có nguyện vọng được giao cháu P cho anh G nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Anh G không lên tòa và không có ý kiến gì về việc ly hôn và nuôi con tuy nhiên từ trước đến nay con chung vẫn do anh chăm sóc nuôi dưỡng nên xét giao con chung cho anh G tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở. Về việc cấp dưỡng nuôi con do anh G không lên tòa không có ý kiến gì, chị L có ý kiến không cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời xét cho chị L không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Chị L được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị L khai không có nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị L khai không có, qua xác minh tại địa phương thì không có ai yêu cầu chị L, anh G phải thanh toán nợ chung nên Tòa án không xét.

[4]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 220, 227, 228, 266, 267 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, 9, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị L đối với bị đơn anh Nguyễn Tấn G về việc “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Xử: cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Tấn G.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Tấn P, sinh ngày 27/7/2019 cho anh G được quyền nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị L tạm thời không cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008707 ngày 21/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT. (Chị L đã nộp xong).

3. Chị L và anh G được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAT, THA, VKS;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Lê Thị Oanh